

Suy nghĩ về giới trong đào tạo quy hoạch đô thị

Thinking about gender in urban planning training

Lê Đình Phước^{(1)*}, Đỗ Minh Huyền⁽²⁾

Tóm tắt

Trong chiều dài lịch sử phát triển của thế giới, vai trò và những đóng góp của phụ nữ còn rất hạn chế, đặc biệt là trong lĩnh vực quy hoạch đô thị. Mãi đến những năm 1960, là giai đoạn phong trào nữ quyền phát triển mạnh mẽ thì vai trò của nữ giới trong xã hội mới thực sự được quan tâm. Các nghiên cứu ở nhiều quốc gia đã cho thấy rằng giới tính tác động lớn đến quá trình đô thị hóa. Những hậu quả và thách thức của quá trình này có ảnh hưởng rất khác nhau đến sự trải nghiệm của hai giới nam và nữ. Do vậy, những nhận thức, trải nghiệm, ý kiến và những đóng góp của phụ nữ cần phải được coi trọng và ghi nhận trong lĩnh vực quy hoạch đô thị.

Khi nhắc đến công tác quy hoạch đô thị, người ta luôn cho rằng đó là công việc mà nam giới có thể làm tốt hơn. Do vậy vấn đề bất bình đẳng giới trong quy hoạch đô thị chưa được quan tâm đúng mức. Kết quả điều tra tại nhiều trường đại học có ngành học liên quan đến chuyên ngành quy hoạch đô thị đều cho thấy rằng, người ta nghĩ quy hoạch đô thị là một lĩnh vực khoa học định lượng không bị chi phối bởi giới tính, và không nhận thức được giới tính có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và vận hành của các chức năng trong đô thị. Bài viết này làm rõ tầm quan trọng của việc cân bằng giới trong đào tạo kiến trúc sư quy hoạch, giúp cung cấp đội ngũ kiến trúc sư quy hoạch chất lượng cho đất nước.

Từ khóa: quan điểm giới, khác biệt về giới, Việt Nam, đào tạo quy hoạch, quy hoạch đô thị

Abstract

Historically women have been ignored in the domain of urban planning, which can be seen throughout the development of human civilization where women were absent in the planning field. This went unnoticed until the 1960s when the notion of homogeneity in urban planning has been questioned. It is growingly proved that urbanization is strongly shaped by gender, and its repercussions affect men and women differently. The prolonged absence of women in urban planning, therefore, has been brought to the fore. This issue is more obvious when it comes to Vietnam, where practicing urban planning has been portrayed as a man-orientated profession. There is a lack of literature on the connection between gender and urban planning in Vietnam, and it seems that the majority of universities and other institutions that provide urban planning education and training services have taken for granted the perception of gender neutrality in urban planning. Perhaps, they have been unaware of how gender differences can shape and influence the urban form and how cities function. This paper, therefore, takes a very first effort to offer an indicative account of this matter, raising awareness of gender sensitivity in these universities and educational institutions because of their critical role in educating and training students, planning officers, urban planners, and other staff working in the urban planning industry.

Key words: gender perspective, gender difference, Vietnam, planning education, urban planning

(1) Bộ môn Quy hoạch vùng, Khoa quy hoạch đô thị và nông thôn
Email: <phuoc.le.dinh.hau@gmail.com>

(2) Bộ môn Quy hoạch đô thị Khoa quy hoạch đô thị và nông thôn
Email: <huyenminh86@gmail.com>

(*) Số ĐT chung: (+84) 33 826 3736

Ngày nhận bài: 30/5/2020

Ngày sửa bài: 01/7/2020

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

1. Đặt vấn đề

Quy hoạch đô thị (urban planning) đã, đang và sẽ có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự phát triển hài hòa và bền vững của các điểm dân cư, các thị trấn và các thành phố theo từng thời kỳ phát triển. Mục đích cốt lõi của quy hoạch là tạo ra những không gian tốt đẹp đảm bảo mọi yêu cầu của một cuộc sống hạnh phúc, đầy đủ tiện nghi và tạo ra những cơ hội thuận lợi cho sự phát triển toàn diện và bình đẳng của mọi tầng lớp, dân tộc, trong mọi độ tuổi và mọi giới tính. Có thể khẳng định rằng vấn đề bình đẳng giới trong phát triển toàn diện đóng vai trò then chốt của việc tạo lập một xã hội công bằng, văn minh, dân chủ và tiến bộ. Bởi thế mà mục tiêu lớn thứ năm trong mười bảy mục tiêu phát triển bền vững do liên hợp quốc đề xuất đã nhấn mạnh vấn đề bình đẳng giới tính (gender equality) trong tất cả các lĩnh vực phát triển: từ việc bình đẳng trong đời sống chính trị, quyền quyết định các vấn đề xã hội đến sự bình đẳng trong lựa chọn nghề nghiệp. Có thể thấy rõ, quy hoạch là bước đầu tiên trong việc tạo lập một chiến lược cục bộ và hoạch định các chính sách phù hợp nhằm cụ thể hóa mục tiêu bình đẳng giới tính trong đô thị. Để làm được điều đó vai trò của các nhà đào tạo quy hoạch đô thị (planning educators), các nhà nghiên cứu các vấn đề, hiện tượng liên quan đến quy hoạch đô thị (planning experts) và người làm nghề quy hoạch đô thị (planning professions) được nêu cao hàng đầu, có thể nói là vị trí tiên phong. Chính vì vậy, việc có được sự nhận thức nghiêm túc về vấn đề bình đẳng giới là hết sức cần thiết, song song với việc quan điểm và ý kiến của giới nam và nữ phải được cân bằng trong các vị trí mà họ đang nắm giữ, từ việc hoạch định chính sách, ra quyết định, phê duyệt quyết định đến việc giáo dục và thực thi các chính sách, giải pháp quy hoạch thì mới có thể thúc đẩy tính toàn diện và đa chiều trong quy hoạch.

Ở Việt Nam, lĩnh vực quy hoạch đô thị từ trước đến nay vẫn bị chi phối bởi nam giới. Nghề nghiệp liên quan đến quy hoạch đô thị phần lớn do nam giới chọn lựa. Bởi vì quy hoạch đô thị ở Việt Nam thường mang ý nghĩa kiến tạo xây dựng không gian vật thể (physical planning hoặc spatial planning) coi trọng các yếu tố vật chất mà ít chú trọng yếu tố con người và xã hội (Nguyen & Le, 2017). Cho nên nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến quy hoạch đô thị Việt Nam có tính chất khoa học kỹ thuật, thường tập trung vào các đối tượng vật thể của đô thị mà thiếu đi sự liên kết đa ngành (multidisciplinary). Thực tế là có rất ít các nghiên cứu cho thấy sự liên kết giữa quy hoạch đô thị và vấn đề thuộc xã hội học đô thị, điển hình như là bình đẳng giới tính trong quy hoạch. Điều quan trọng nhất là trong hệ thống giáo dục đào

tạo quy hoạch đô thị ở Việt Nam vẫn mặc định cho rằng quy hoạch đô thị là trung tính (gender-neutral) và dường như đội ngũ đào tạo, nghiên cứu và hành nghề quy hoạch đô thị chưa nhận thức được giới tính có liên kết như thế nào đến quy hoạch đô thị, cũng như việc nó có ảnh hưởng và tác động ra sao đến cấu trúc, dạng thức và việc phân bố các khu chức năng trong đô thị. Listerborn (2007) đã nhấn mạnh rằng nếu như người làm công tác quy hoạch có nhận thức hạn chế hoặc có cái nhìn phiến diện về cộng đồng mà quy hoạch hướng đến thì kết quả là quy hoạch sẽ thể hiện đúng những khiếm khuyết này. Chính vì vậy, bài viết này sẽ cung cấp một số quan điểm lý luận để làm tăng sự nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc nghiên cứu giới tính trong công tác đào tạo quy hoạch đô thị ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc nghiên cứu, các xuất bản cũng như các bài viết về giới tính trong quy hoạch đô thị ở Việt Nam còn hạn chế nên bài viết sẽ tổng hợp những lý thuyết, quan điểm của phương Tây về giới tính trong quy hoạch và áp dụng vào bối cảnh thực tế của đào tạo quy hoạch đô thị tại Việt Nam.

2. Bối cảnh đào tạo ngành Quy hoạch đô thị

Ở Việt Nam ngành Quy hoạch được tạo tích hợp trong lĩnh vực xây dựng và kiến trúc. Đội ngũ kiến trúc sư hoạt động nghề quy hoạch chính của cả nước (Kiến trúc sư Quy hoạch) chủ yếu là tốt nghiệp từ các trường thuộc khối ngành kỹ thuật - xây dựng - thiết kế: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh. Sự phân chia các chuyên ngành quy hoạch ở các trường có sự khác nhau tùy vào mục tiêu, phương hướng và tiêu chí đào tạo của từng trường.

2.1. Đội ngũ giảng viên đào tạo quy hoạch đô thị

2.1.1. Bộ môn Quy hoạch vùng và đô thị – Khoa Kiến trúc và quy hoạch – Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Là bộ môn có lịch sử phát triển lâu đời nhất với hơn 50 năm đào tạo. Bộ môn đã đào tạo thế hệ kiến trúc sư quy hoạch đầu tiên, định hình nền móng cho lĩnh vực quy hoạch đô thị của Việt Nam. Bộ môn giảng dạy các môn học: Quy hoạch vùng, Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch chi tiết, Quy hoạch nông thôn, Cây xanh, Cảnh quan, Xã hội học, Giao thông đô thị, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, các đồ án lớn nhỏ về quy hoạch, kiến trúc phục vụ các ngành đào tạo kiến trúc sư công trình, kiến trúc sư quy hoạch, kỹ sư đô thị chất lượng cao.

Đội ngũ giảng viên thuộc bộ môn trong các thời kỳ đầu phát triển hoàn toàn là nam giới. Mãi cho đến cuối những năm 90 đến đầu những năm 2000 thì số lượng giảng viên nữ-danh từ “cô” mới xuất hiện như cô Đàm Thu Trang, cô Phạm Thúy Loan, cô Nguyễn Thị Thanh Mai, cô Phùng Thị Mỹ Hạnh. Sau năm 2000, số lượng giảng viên nữ có sự tăng nhanh hơn các giai đoạn trước. Đến nay, đội ngũ giảng viên của Bộ môn là 15 người: trong đó 40% nữ và 60% nam.

2.1.2. Khoa Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Bảng1. Chủ nhiệm Bộ môn quy hoạch vùng và đô thị qua các thời kỳ

Tên	Chức danh	Năm đương nhiệm	Giới tính
Trương Quang Thao	PGS.TS.	1961-1965	Nam
Nguyễn Phụng Võ	KTS.	1966-1968	Nam
Trương Quang Thao	PGS.TS.	1969- 1989	Nam
Tôn Đại	PGS.TS.	1990 -1992	Nam
Nguyễn Kim Luyện	PGS.TS.	1993- 1995	Nam
Trần Văn Khơm	KTS.	1996 -1999	Nam
Nguyễn Sỹ Quế	TS.	1999 - 2003	Nam
Phạm Hùng Cường	TS.KTS.	2004 -nay	Nam

Bảng 2. Chủ nhiệm khoa quy hoạch qua các thời kỳ

Tên	Chức danh	Năm đương nhiệm	Giới tính
Đỗ Đức Viêm	PGS.TS.	1992-2001	Nam
Lê Đức Thắng	PGS.TS.KTS.	2001-2011	Nam
Nguyễn Xuân Hình	TS. KTS.	2011-2018	Nam
Lương Tú Quyên*	PGS.TS.KTS.	2018-nay	Nữ

(*) đang là phó khoa phụ trách

Bảng 3. Chủ nhiệm Khoa qua các thời kỳ

Tên	Chức danh	Năm đương nhiệm	Giới tính
Huỳnh Kim Mãng	KTS.	1976-1980	Nam
Võ Khắc Vần	KTS.	1981-1993	Nam
Khương Văn Mươi	KTS.	1993-2009	Nam
Nguyễn Thanh Hà	PGS.TS.KTS.	2009-2011	Nam
Đỗ Phú Hưng	TS.KTS.	2011- nay	Nam

Với hơn 25 năm truyền thống đào tạo, Khoa đã đào tạo các thế hệ kiến trúc sư quy hoạch đóng góp đáng kể trong công tác lập và quản lý quy hoạch tại các cơ quan nhà nước cho đến các tập đoàn tư vấn tư nhân trải đều khắp cả nước. Các bộ môn trong khoa gồm có: Quy hoạch vùng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch nông thôn, Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan và bộ môn Sinh thái và Môi trường đô thị. Lĩnh vực quản lý đô thị được tách thành Khoa Quản lý đô thị.

Số lượng các nam giảng viên thuộc Khoa Quy hoạch giai đoạn đầu phát triển chiếm đa số khoảng 85%. Số lượng giảng viên cố định của Khoa hiện nay là khoảng 51, trong đó có 27 nam chiếm khoảng 54% và 24 nữ chiếm 46%. Ngoài ra khoảng 70% giảng viên là trường và phó bộ môn là nam.

2.1.3. Khoa Quy hoạch – Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh

Được thành lập từ bộ môn Quy hoạch - tách ra từ Khoa Kiến trúc vào năm 1993. Khoa Quy hoạch đã nhận nhiệm vụ xây dựng chương trình và thực hiện giảng dạy ngành Kỹ thuật đô thị. Bốn bộ môn thuộc khoa Quy hoạch hiện nay: Quy hoạch đô thị, Quản lý đô thị, Kiến trúc cảnh quan và Thiết kế đô thị.

Đội ngũ giảng viên hiện tại của Khoa Quy hoạch với tỷ lệ phần trăm giảng viên nam và giảng viên nữ là khoảng 60/40. Trong đó, đảm nhận chức vụ chủ nhiệm bộ môn có 3 giảng viên nam và 1 giảng viên nữ.

2.2. Sinh viên lựa chọn ngành Quy hoạch đô thị.

Ở Việt Nam hiện nay số lượng các trường đại học đào tạo ngành Quy hoạch đô thị là không nhiều. Tính đến năm

Bảng 4. Sinh viên các khóa ngành quy hoạch vùng và đô thị

Năm	Tổng	Nam	Nữ	Tỉ lệ nam (%)	Tỉ lệ nữ (%)
Đại học kiến trúc Hà Nội					
2015	145	105	40	72.4	27.6
2016	126	100	26	79.4	20.6
2017	158	120	38	75.9	24.1
2018	138	99	39	71.7	28.3
2019	160	129	31	80.6	19.0
Trường đại học xây dựng Hà Nội					
2016	80	62	18	77.5	22.5
2017	47	40	7	85.1	14.9
2018	75	61	14	81.3	18.7
2019	65	54	11	83.1	16.9
Trường đại học kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh					
2015	89	47	42	52.8	47.2
2016	100	46	54	46.0	54.0
2017	112	61	51	54.5	45.5
2018	123	67	56	54.4	45.6
2019	91	48	43	52.7	47.3

2019, cả nước có 07 trường đại học đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị phân bố trên cả ba miền Bắc, Trung và Nam.

Miền Bắc: Trường đại học Kiến trúc Hà Nội và Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

Miền Trung: Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Miền Nam: Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Xây dựng miền Tây và Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Mỗi năm trên cả nước ước tính có khoảng hơn 400 sinh viên trúng tuyển vào ngành Quy hoạch đô thị. Tuy nhiên ba trường đại học được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh. Nhìn chung sinh viên nam vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo tỷ lệ sinh viên nữ, số liệu này thường gấp ba lần hoặc hơn ở hai trường: trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Sự chênh lệch về giới tính trong cộng đồng sinh viên ở trường đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh có thấp hơn nhưng tỉ lệ sinh viên nam vẫn cao hơn sinh viên nữ. Tỷ lệ sinh viên nam và nữ của ba trường qua các năm được thống kê ở bảng 4.

3. Phụ nữ trong ngành Quy hoạch đô thị ở Việt Nam

Qua số liệu thống kê về đội ngũ đào tạo và sinh viên ngành Quy hoạch ở Việt Nam, có thể nói nam giới hoàn toàn chiếm ưu thế và định hình nền quy hoạch Việt Nam từ những giai đoạn đầu của phát triển đất nước. Có thể nói đây cũng là thực trạng chung của nhiều ngành khoa học khác trong nước và trên thế giới. Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm kỳ cựu là các nam trường Khoa, nam trường bộ môn đều đã là phó giáo sư hoặc tiến sĩ. Từ đó có thể rút ra rằng việc xây dựng lý thuyết quy hoạch, đề ra thể chế, nghiên cứu luật và chính sách quy hoạch, ra quyết định, lập khung chương trình đào tạo quy hoạch, đến việc nghiên cứu các vấn đề trong quy hoạch cơ bản là trách nhiệm của nam giới. Phụ nữ

“chen chân” vào lĩnh vực quy hoạch khá muộn, phải đến cuối những năm 90 đến đầu những năm 2000 thì số lượng cán bộ nữ mới dần tăng lên.

Điều này có liên quan đến chế độ thực dân cầm quyền, gắn liền với tiến trình đô hộ khai phá chiếm lĩnh thuộc địa của các nước phương Tây. Lịch sử phát triển của các quốc gia này đã cho thấy rằng, trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, sự cống hiến của phụ nữ là rất hạn chế hay có thể nói phụ nữ thường xuyên bị lãng quên hoặc bị đánh giá thấp vai trò trong lĩnh vực này (Greed, 2001; Reeves, Parfitt, & Archer, 2012). Sự vắng mặt của phụ nữ trong công tác quy hoạch không được lưu tâm, mãi cho đến đầu thế kỷ 20. Vào thời điểm này, cùng với sự bùng nổ của thuyết nữ quyền (feminism) cộng với sự đấu tranh đòi quyền bình đẳng và xóa bỏ chế độ nam quyền do các nhà nữ quyền dẫn đầu, đánh dấu bằng phong trào nữ quyền lần thứ hai (the Second Wave) thì sự thuần nhất (homogeneity), độc quyền và chi phối bởi nam giới trong lĩnh vực quy hoạch mới được quan tâm và được xem là một vấn đề phát triển thiếu bình đẳng của nhân loại.

Có thể nói phong trào bình đẳng giới ở Việt Nam cũng được mạnh mẽ khởi xướng vào thời điểm đầu thế kỷ 20, khi mà Việt Nam bị ảnh hưởng bởi các phong trào nữ quyền trong hệ thống giáo dục của nước cai trị - nước Pháp - đất nước đi đầu trong phong trào nữ quyền. Trước đó thì Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng Nho giáo (Confucian tradition) với quan niệm tuyệt đối nhấn mạnh xã hội nam quyền (patriarchal society), hoạt động dựa trên sự tôn ti và trật tự với việc giới tính chi phối sâu sắc mọi khía cạnh của xã hội. Trong đó người đàn ông luôn là trụ cột và nắm mọi quyền lực cả trong gia đình và ngoài xã hội. Mặc dù Việt Nam được đánh giá là đi đầu trong công tác xóa bỏ bất bình đẳng giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau ở các nước châu Á (Tran, 2018), tuy nhiên trong quy hoạch và xây dựng thì hầu như vấn đề bất bình đẳng giới chưa thực sự được lưu tâm, mặc dù số lượng nữ giới tham gia vào công tác đào tạo quy hoạch có tăng lên, nhưng sự chênh lệch quân số vẫn rất cao, và mặc dù tỉ lệ nữ giới có tăng nhưng dường

như điều đó không có nghĩa là vấn đề bất bình đẳng được cải thiện đúng hướng. Điều này đã được chứng thực bởi các bằng chứng đưa ra trong nghiên cứu ở các nước phương Tây (Greed, 2001). Với vị thế yếu hơn thì các ý kiến, đề xuất và quan điểm của phụ nữ luôn bị xem nhẹ nếu không duy trì đấu tranh.

4. Tác động của kỳ vọng giới đến lĩnh vực quy hoạch đô thị

Nguyên nhân cốt lõi của vấn đề bất bình đẳng trong quy hoạch là do lịch sử kiến tạo xã hội hóa (social construction) của quan niệm về giới tính. Có thể nói giới tính là một phạm trù triết học gây rất nhiều tranh cãi. Trong bài viết này, chúng tôi đứng trên quan điểm của các nhà nữ quyền (feminist theorists) cho rằng giới tính hình thành và xây dựng trên mong muốn của xã hội (gender expectations) đối với nam và nữ dựa vào sự khác nhau về cơ thể sinh học của đàn ông (giống đực) và đàn bà (giống cái); bao gồm vai trò trong gia đình, xã hội, những quy tắc ứng xử và quy cách về sự hiện diện của cơ thể. Cần phải hiểu rõ là thuyết nữ quyền (feminism) trong hoàn cảnh này không phải là về phụ nữ, mà là một quan điểm chính trị quan tâm đến những vấn đề liên quan đến quyền lực giữa nam và nữ trong xã hội. (Weedon, 1987) cho là 'những mối quan hệ về quyền lực này định hình mọi lĩnh vực của xã hội bao gồm gia đình, giáo dục và phúc lợi, thể giới việc làm và chính trị, văn hóa và giải trí. Chúng quyết định ai làm gì và vì ai, chúng ta là gì và sẽ trở thành người như thế nào'.

Đóng góp quan trọng của thuyết nữ quyền ở đây là đã lý thuyết hóa được sự nữ tính (femininity) và nam tính (masculinity) của đàn bà và đàn ông, điều mà có thể gọi là kim chỉ nam và là những ràng buộc cho những sự trải nghiệm khác nhau về mọi khía cạnh của cuộc sống giữa nữ và nam. Theo đó, nữ tính thường được chỉ định cho đàn bà, gắn liền với sự thụ động của tự nhiên, sự mềm mại, dịu dàng, sống theo cảm xúc và có độ cảm thông cao hơn đàn ông, phù hợp với những công việc cần có sự chu đáo và chú ý đến sự chi tiết. Cho nên phụ nữ được giáo dục và xã hội hóa trở thành người chăm sóc (moral caretakers hoặc house keepers) cho gia đình và cho xã hội (Ginzberg, 2002). Trong khi đó đàn ông được cho là phải mạnh mẽ, là chủ thể kiến tạo văn hóa, chi phối tự nhiên và làm việc dựa trên lý tính, không bị cảm xúc chi phối. Tất cả những mong muốn hay quy tắc này đều là xã hội kiến tạo như Simone de Beauvoir (dẫn trong Butler 1990) nói rằng 'một người phụ nữ không phải sinh ra đã là phụ nữ mà phải trở thành người phụ nữ'. Điều này xảy ra tương tự với nam giới. Những tư tưởng và ràng buộc mang tính xã hội kiến tạo này trải qua thời gian đã và liên tục được nhắc nhở, giáo dục để hằn sâu vào trong tiềm thức của cả hai giới, khiến cả nam và nữ ngẫu nhiên cho rằng đó là quá trình tự nhiên hoặc như là một lẽ hiển nhiên (common sense) cho nên sẽ không chú ý hoặc không thấy được điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của một xã hội công bằng.

Như vậy với sự chi phối giữa hai thái cực nam tính và nữ tính thì trong quy hoạch đô thị- một cách truyền thống, lĩnh vực khoa học này được cho là dựa trên tính khách quan, lý trí, kiến thức thuần túy và không bị chi phối bởi thời gian, không gian và tính chất của xã hội- sẽ phù hợp và được hợp thức hóa là nghề nghiệp của nam giới, cho nam giới và do nam giới quyết định (Listerborn, 2007). Tại Việt Nam, phương pháp tiếp cận lập quy hoạch đô thị vẫn chủ yếu là quy hoạch hợp lý (rational planning), có tầng bậc (hierarchy) và từ trên xuống (top-down) và đã trở thành nền tảng lý luận cơ sở

mang tính pháp lý làm tiền đề đề xuất hệ thống các quy chuẩn và tiêu chuẩn; các phân tích chuẩn đoán và dự báo cho định hướng nghiên cứu quy hoạch Việt Nam và cho công tác đào tạo đại học và sau đại học các nội dung liên quan đến quy hoạch. Điều này thấy được qua cách phân chia các bộ môn hoặc môn học trong các khoa hoặc bộ môn ở các trường đại học đã nêu ở trên đều theo một tầng bậc, lý thuyết, nguyên lý quy hoạch do các "thầy" giáo đề ra trước đó.

Hay nói một cách khác, ngành quy hoạch tại Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên phương pháp của các môn khoa học tự nhiên định lượng (quantitative methodology) và mang tính áp đặt. Nguồn gốc nhận thức luận của phương pháp này là tôn trọng kiến thức khoa học khách quan (positivist objectivity) do các chuyên gia hoặc người được đào tạo đưa ra, tách rời kiến thức khỏi trải nghiệm. Kiến thức dựa trên trải nghiệm không phải là kiến thức khoa học mà được cho là phiến diện, quá tư nghiệm và bị "vấn đực" bởi tính chủ quan hoặc cảm xúc. Mà những điều này theo (Code dẫn trong Snyder, 1995 và MacGregor, 1996) đều gắn liền với đặc tính xã hội hóa của người phụ nữ. Chính vì vậy mà người làm công tác quy hoạch đang được đào tạo và tập huấn để tách rời những trải nghiệm mang tính chủ quan (subjective experience) ra khỏi quan điểm khách quan khoa học (objective knowledge). Do vậy, dù số lượng nữ giảng viên có đông như thế nào nhưng vẫn được đào tạo theo hình thức này thì kết quả vẫn không thể khác được.

Ngày càng nhiều nhà nghiên cứu đã nêu lên tầm quan trọng của kiến thức mang tính chủ quan, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến con người và xã hội. Bởi vì chỉ sử dụng lý tính hoặc lý do khách quan hợp lý, chúng không thể diễn tả đủ và hiểu thấu đáo những vấn đề phức tạp hoặc hơi mang tính huyền bí của con người (Keller, 1983). Hall trích dẫn trong (Truong Quan Thao, 2007) cho rằng việc nghiên cứu lập quy hoạch còn khó hơn cả việc đưa người lên mặt trăng. Bởi vì quy hoạch xoay quanh những quy luật ứng xử của con người (human behaviour) cái mà khó có thể xác định được hay hiểu được bằng các phương pháp khoa học khách quan tự nhiên trong vật lý hay toán học, mà phải sử dụng các phương pháp mang tính chủ quan như giai thoại, kể chuyện, trực giác khơi gợi v.v. (theo MacGregor, 1996). Điều này là cần thiết vì nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng nam và nữ sử dụng không gian khác nhau, trải nghiệm và cảm nhận về không gian là khác nhau, cũng như các ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến hai giới tính là khác nhau (Adebanjo, Khosla, & Snyder, 2012). Tuy nhiên, trong quy hoạch đô thị những trải nghiệm của người phụ nữ thường không được xem trọng và quyết định liên quan đến quy hoạch lại dựa trên quan điểm là lập trường mang tính khách quan của người nam giới, điều này là chưa công bằng và chưa hợp lý.

Giáo dục ở đây đóng vai trò cốt lõi trong việc xóa bỏ sự bất bình đẳng về giới tính trong lĩnh vực quy hoạch. Người đào tạo quy hoạch và các chuyên gia quy hoạch có trình độ học thuật, khả năng nghiên cứu và kiến thức chuyên môn. Bởi vì những tri thức đó là quyền lực, là sức mạnh – Những thành tố mà có thể dùng để cải thiện, nâng tầm, mang lại tiếng nói của những cộng đồng bị khai thác, không có quyền lực, bị bản cứng hóa (Harding trích trong Snyder, 1995). Những cộng đồng này ở đây phần lớn là phụ nữ, với những trải nghiệm thực tế từ các nhu cầu mong muốn khác nhau của bản thân đối với tất cả những vấn đề liên quan đến quy hoạch đô thị. Nếu những tri thức khoa học về quy hoạch đô thị không có sự kết nối, không có khảo cứu những trải nghiệm thì luôn luôn là không hoàn hảo và đậm tính áp đặt.

(Xem tiếp trang 96)

bắt cập trong công tác giảng dạy hiện nay. Từ đó, đặt ra những yêu cầu phải đổi mới nội dung giảng dạy học phần Lý thuyết quy hoạch nông thôn trong giai đoạn sắp tới. Việc đổi mới nội dung giảng dạy cần có tính toàn diện cũng như phản ánh được những vấn đề trong công tác quy hoạch thực tiễn, đặc biệt là gắn sự phát triển nông thôn vào bối cảnh chung, trong các không gian lãnh thổ cụ thể, sự ràng buộc với những chuyên ngành liên quan và các phương pháp quy hoạch hiện đại./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Sơn. (2017), *Quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở nước ta đã đột phá ứng dụng phương pháp "quy hoạch tích hợp"*, *Tạp chí Quy hoạch xây dựng*, Hà Nội
2. Đàm Quang Tuấn. (2016), *Quy hoạch xây dựng nông thôn mới – Những vấn đề đặt ra*, *Tạp chí Kiến trúc Việt Nam*, Hà Nội
3. Kỷ yếu hội thảo- Đào tạo chuyên ngành Quy hoạch đô thị và Nông thôn gắn với thực tiễn, tháng 11/2012, Đại học kiến trúc Hà Nội, Hà Nội
4. Kỷ yếu hội nghị khoa học 45 năm truyền thống Trường đại học kiến trúc Hà Nội – Tiểu ban Quy hoạch và Quản lý đô thị, tháng 11/2014, Hà Nội.

Suy nghĩ về giới trong đào tạo quy hoạch đô thị

(Tiếp theo trang 87)

5. Kết luận

Quy hoạch đô thị có ảnh hưởng khác nhau đến nam giới và nữ giới. Trong bài viết này chúng tôi đã cố gắng phân tích sự chênh lệch giới tính trong lĩnh vực quy hoạch đô thị trên quan điểm về xã hội kiến tạo giới tính, dựa vào các số liệu thống kê tỉ lệ giảng viên và sinh viên từ các trường đào tạo ngành quy hoạch đô thị chính ở Việt Nam. Có thể thấy được nam giới trong các giai đoạn đầu phát triển đã định hình và thống lĩnh nền quy hoạch ở Việt Nam. Giảng viên nữ giới xuất hiện khá muộn. Đến giai đoạn hiện nay thì mặc dù giảng viên, chuyên gia, sinh viên nữ về quy hoạch có tăng lên đáng kể, song ở đây, sự chênh lệch so với số lượng giảng viên, chuyên gia và sinh viên nam vẫn rất rõ nét, chưa kể đến việc nam giới vẫn chiếm ưu thế hơn trong các vị trí trưởng, phó khoa hoặc bộ môn - vị trí trao cho họ quyền lực để ra quyết định và nâng tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực này.

Vấn đề về kiến thức mang tính khoa học khách quan và trải nghiệm mang tính chủ quan tư nghiệm cũng đã được phân tích ở đây để dẫn luận trong việc nhận định lại nguồn gốc nhận thức luận trong quy hoạch đô thị. Ở đây chúng tôi muốn thử thách tính toàn diện và logic của sự khách quan khoa học trong quy hoạch đô thị - lĩnh vực lấy con người và những quy luật phức tạp và huyền bí vận động ẩn sau làm đích nghiên cứu hướng đến cuối cùng. Phải chăng chúng ta

nên chấp nhận sự linh hoạt, năng động, bùng nổ của kiến thức và trải nghiệm, và mối liên hệ phức tạp giữa chúng. Những phản tư, chiêm nghiệm, sự nhận thức về chính trị, sự đa dạng và sự chính đáng của sự trải nghiệm nên được lưu tâm và giữ ở trạng thái cân bằng. Thử tưởng tượng nếu như phụ nữ cùng với nam giới ngay từ lúc sơ khai có quyền bình đẳng trong tất cả các lĩnh vực bao gồm lĩnh vực quy hoạch thì liệu các không gian sống và các thành phố có phải trải qua những trạng thái phát triển như hiện nay hay không, hay có khác như thế nào. Có lẽ điều đầu tiên có sự khác nhau ở đây là các lý tưởng quy hoạch, lý thuyết quy hoạch và các phương pháp lập quy hoạch.

Bài viết đã phân tích và chỉ ra sự phong phú và phức tạp trong việc nghiên cứu vấn đề giới tính trong quy hoạch. Nhóm tác giả hi vọng trong thời gian sắp tới, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia và nhà đào tạo sẽ bắt đầu nghiên về vấn đề giới tính, phụ nữ và các tầng lớp yếu thế trong xã hội khác trong quy hoạch đô thị. Đặc biệt, phương pháp nghiên cứu phỏng vấn chuyên sâu, kể chuyện, trực giác khơi gợi và các phương pháp định tính khác nên được áp dụng để có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn những vấn đề và hiện tượng nảy sinh trong quy hoạch đô thị. Làm được như vậy thì quy hoạch đô thị mới thực sự toàn diện, công bằng và hiệu quả./.

Tài liệu tham khảo

1. Adebajo, M., Khosla, P., & Snyder, V. (2012). *Gender issue guide: urban planning and design*. Retrieved from United Nations Human Settlements Programme:
2. Butler, J. (1990). *Gender trouble: feminism and the subversion of identity*. New York: Routledge.
3. Ginzberg, L. (2002). *Re-viewing the first wave*. *Feminist Studies*, 28(2), 419-434.
4. Greed, C. (2001). *Women and planning in Britain - 25 years on a reflection*. *Women & Environment International Magazine*(50/51), 7-10.
5. Keller, E. F. (1983). *Interlude: a sketch of the terrain*. In *A feeling for the organism: the life and work of Barbara McClintock* (pp. 89-106). San Francisco: W. H. Freeman.
6. Listerborn, C. (2007). *Who speaks? and who listens? the relationship between planners and womens participation in local planning in a multi-cultural urban environment*. *GeoJournal*, 70(1), 61-74.
7. MacGregor, S. (1996). *Rethinking planning--reframing difference*. *Women and Environments*, 39(40), 22-25.
8. Nguyen, X. H., & Le, X. H. (2017). *Opportunity & challenge in urban and rural planning education in Vietnam*. Paper presented at the *Integration in the educational system of urban and rural planning in Vietnam*, Hanoi.
9. Reeves, D., Parfitt, B., & Archer, C. (2012). *Gender and urban planning: issues and trends*. Retrieved from United Nations Human Settlements Programme:
10. Tran, T. C. (2018). *Gender equality in Vietnam: theory and practice*. Retrieved from <http://hpu2.edu.vn/vi/cong-doan-truong/tin-hoat-dong/binh-dang-gioi-o-viet-nam-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-29.html>
11. Truong, Q. T. (2007). *Reflectivity on urban planning definition*. from *Urban and Rural Planning Forum* (in Vietnamese)
12. Weedon, C. (1987). *Feminism and theory*. In *Feminist practice & post-structuralist theory* (2 ed., pp. 1-11). Oxford: Blackwell Publishers.